Tương Ưng Thiên Tử (Devaputta Saṃyutta)

Kinh Tương Ưng Bộ (VNC PHVN, 2020)

2. TƯƠNG ƯNG thiên Tử (DEK4PUTTASAMYUTTA)

L PHẨM THỨ NHẤT (R4THAMAK4GGA)

L KINH KASSAPA THỨ NHẤT (Pathamakassapasutta)1 (S I. 46) 82. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn ở Sãvatthi (Xá-vệ)5 Jetavana (Thắng Lâm), tại vườn ông Anãthapindika (Cấp Cô Độc). Rồi thiên tử23Kassapa (Ca-diếp)5 sau khi đêm đã gân mãn? với dung săc thù thăng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đên Thê Tôn; sau khi đến5 đảnh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, thiên tử Kassapa bạch Thế Tôn: Thế Tôn đề cao Tỷ-kheo và sự giáo giới vị Tỷ-kheo cho chúng con. -Vậy này Kassapa, hãy nói lên ở đây về vấn đề ấy! [Kassapa:] Hãy học điều khéo nói5 Trong hạnh nghiệp Sa-môn, Vắng lặng, ngồi một mình, Với tâm tư an tịnh. Thiên tử Kassapa nói như vậy. Bậc Đạo sư chấp nhận. Rồi thiên tử Kassapa, sau khi được biết: "Bậc Đạo sư đã chấp nhận ta", đảnh lễ Thế T6n, thân bên hữu hướng về Ngài, rồi biến mất từ chỗ ấy.

II. KINH KASSAPA THỨ HAI (Dutiyakassapasuttă Ý (5.1. 46)

83. Nhân ĩduyên tại Sãvatthi. Đứng một bên, thiên tử Kassapa nói lên bài kệ này trước The Tôn:

Với tâm tư giải thoát,

Vị Tỷ-kheo tu thiền,

Và với lòng ước vọng5

1 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.1318. 0361c20); Biệt Tạp.(T.02. 0100.317. 0480al2).

2 Theo Chú giải, thiên tử chỉ cho con của các bậc chư thiên hạ phẩm, sinh ra từ bên hông. Nếu không biết tên, họ được gọi là devatã; nếu biết tên, được gọi là devapiítta. 3 Tham chiếu:,(T.02. 0099.1318. 0361c20); W Tạp.(T.02. 0100.317. 0480al2).

Đạt được tâm sở nguyện.4

Sau khi biết cuộc đời,

Hưng thịnh và phế tàn,

Tâm thuần, không nương tựa,

Hưởng lợi quả như chơn.

III. KINH MÃGHA (Mãghasutta)5 (S. I. 47)

84. Nhân duyên tại Sãvatthi. Rồi thiên tử Mãgha,6 sau Idii đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, thiên tử Mãgha nói với

Thê Tôn bài kệ:

Đoạn vật gì được lạc?

Đoạn vật gì không sầu?

Có một pháp loại gì,
Ngài tán đông đoạn đứt,
Tôn giả Gotama?
[Thế Tôn:]
Đoạn phẫn nộ được lạc,
Đoạn phẫn nộ không sầu.
Phẫn nộ với độc căn?
Với vị ngọt tối thượng,
Pháp ấy bậc Thánh Hiền,
Tán đồng sự đoạn dứt.
Đoạn pháp ây không sâu,
Này Thiên Vatrabhũ.
IV KINH MÃGADHA (Mãgadhasutta) (S I. 47)
85. Nhân duyên tại Sâvatthi. Đứng một bên, thiên tử Mãgadha nói lên với
The Tôn bài kệ:
-Vật gì chiêu sáng đời,
Do chúng, đời chói sáng?
Con đến hỏi Thế Tôn,
Muốn nghe lời giải đáp.
Bôn vật chiêu sáng đời,
Thứ năm5 đây không có.
Ngày, mặt trời sáng chói.
Đêm, mặt trăng tỏ rạng.
4 Chú giải'. Tức là quả A-la-hán. 5 Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099.1309. 0360Ò03); Biệt Tạp.(T.02. 0100.308. 0478c06). 6 Mãgha là một trong những tên gọi của Sakka, Thiên chủ của cõi trời thấp nhất, còn gọi cõi trời Tam Thập Tam. Vatra là một a-tu-la bị Sakka chinh phục.

2. TƯƠNG ƯNG THIÊN TỬ« 61

Lửa cháy đỏ đêm ngày,
Chói sáng khắp mọi nơi.
Chánh giác sáng tôi thăng,
Sáng này sáng vô thượng.
V. KINH DÃMALI (Damalisutta)1 (S. L 47)
86. Nhân duyên tại Sãvatthi. Thiên tử Dãmali, sau khi đêm đã gần mãn, với dung săc thù thăng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thê Tôn; sau khi đên5 đảnh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, thiên tử Dãmali nói lên bài kệ này trước The Tôn:
Ở đây? Bà-la-môn?78
Tinh cần, không biếng nhác,
Đoạn trừ các dục vọng5

Nhờ vậy không tái sanh.
Thế Tôn bèn trả lời:
Ôi, này Dãmali,
Với vị Bà-la-môn,
Không còn gì phải làm,
Việc phải làm đã làm,
Chính là Bà-la-môn.
Chúng sanh đủ tay chân,
Không tìm được chân dứng,
Trôi giạt và chìm nổi,
Trong biển rộng, sông dài.
Tìm được chỗ chân đứng,
Khô ráo, vị ấy dứng,
Đã đến bờ bên kia,
Vị ấy không trôi giạt.
Vậy này Dãmali,
Ví dụ ấy là vậy.
Cũng vậy, Bà-la-môn,
Đoạn trừ các lậu hoặc,
Sáng suốt và kín đáo,
Tinh tấn tu thiền định.
Vị ấy đã đạt được,
Tận cùng đường sanh tử,
Đã đến bờ bên kia,
Nên không còn trôi giạt.
7 Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099.1311.0360c03); w Tạp.(T.02. 0100.310. 0478c29). 8 Brãhmana (Bà-la-môn). Khái niệm "B-la-m6n" trong đoạn kinh trên chỉ cho vị A-la-hán.

62 KINH TƯƠNG ƯNG Bộ I. THIÊN CÓ KỆ

VI. KINH KÃMADA (Kãmadasuttảỷ (S. I. 48)
87. Nhân duyên tại Sãvatthi. Đứng một bên, thiên tử Kãmada bạch Thế Tôn:
Khó làm, bạch Thế Ton,
Thế Tôn, thật khó làm!
[Thế Tôn:]
Tuy vậy Kãmada,
Họ làm việc khó làm.
Chính các vị Hữu học,
Kiên trì tu giới định,
Đã chọn đời xuất gia,

Biết đủ9 đem an lạc.
[Kãmada:]
Biết đủ? bạch Thế Tôn5
Biết đủ, thật khó được!
[Thế Tôn:]
Tuy vậy Kãmada,
Họ được điều khó được.
Những vị lòng ưa thích,
Tâm tư được điều tịnh5
Cả ngày và cả đêm5
Ý an lạc tu tập.
[Kãmada:]
Khó tịnh bạch Thế Tôn,
Tâm ấy, thật khó tịnh!
[Thế Tôn:]
Tuy vậy, Kămada,
Họ tịnh tâm khó tịnh.
Những vị lòng ưa thích,
Các căn được tịch tịnh,
Cắt đứt lưới tử thần,
Bậc Hiền Thánh đi tới.
[Kãmada:]
Khó đi, bạch Thế Tôn,
Con đường thật lồi lõm!
[Thế Tôn:]
Tuy vậy Kãmada,
Bậc Hiền Thánh vẫn đi.
Trên con đường khó đi5*
9 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.1313. 0361a01); Biệt Tạp.(T.02. 0100.312. 0479a28).

2. TƯƠNG ƯNG THIÊN TỬ 63

Và có nhiều lồi 16m,
Kẻ phàm phu vâp ngã5
Trên đường mất thăng bằng.
Con đường đối bậc Thánh,
Là con đường thăng bằng,
Bậc Thánh bước thăng băng,
Trên đường mất thăng bằng.
VII. KINH PANCALACANDA (Pancãlacandasuttà)îô (S I. 48)

88. Nhân duyên tại Sãvatthi. Đứng một bên, thiên tử Pancãlacanda nói lên bài kệ này trước The Ton:
Dau giữa những chướng ngại,
Bậc Đại Trí Chánh Giác, vẫn tìm được lối thoát,
Vượt qua mọi chướng ngại.
Bậc Trí hiểu thiền định,
Biết từ bỏ, tối thắng*
Bậc Mâu-ni5 Ẩn Sĩ.
Thê Tôn lên tiêng:
Pancalacanda,
Dầu giữa những chướng ngại,
Họ tìm được lối thoát,
Họ tìm được Chánh pháp,
Đưa đến quả Niết-bàn.
Những vị đạt chánh niệm,
[Kiên trì không dao động]5
Họ là bậc chơn chánh,
Tâm điều phục, định tĩnh.
VIII. KINH TÃYANA (Tãyanasutta)n (S. I. 49)
89. Nhân duyên tại Sãvatthi. Rồi thiên tử Tãyana, trước kia là ngoại đạo su, . 'ì ., : sau khi đêm gân mãn5 với dung săc thù thăng chói sáng toàn vùng Jetavana? đi
M .r .
rr^l
[
A FT^ /V
. . .
11* . t -4- -â. 7 f\
1 1 rTTÍ A rT^ —
\ .
Ạ * _ /V J i /V J 1 đên Thê Tôn; sau khi đên9 đảnh le The Tôn roi đứng một bên. Đứng một bên5 thiên tử Tãyana nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:
Ôi5 này Bà-la-môn5
Tinh tấn cắt dòng nước,
Đoạn trừ và tiêu diet,
Mọi tham đắm dục vọng.10 12
11
Ẩn sĩ không đoạn dục,
10 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.1305. 0358b26); Biệt Tạp.(02. 0100.304. 0477a20).
11 Tham khảo: Dh.N. 311, 312, 313, 314; Thag. V. 277. 12 V. 383.

Không chứng được nhất tâm.
Nếu làm việc nên làm,
Cần kiên trì, tinh tấn.
Xuất gia, nếu biếng nhác,
Càng tung vãi bụi trần.
Không làm hơn làm dở5
Làm dở sau khổ đau.
Đã làm nên làm tốt,
Làm tốt không khổ đau.

Như vụng năm lá cỏ5
Có thể bị đứt tay,
Sa-môn hạnh vụng tu,
Kéo đến cõi địa ngục.
Mọi sở hành biếng nhác,
Mọi hạnh tu ô nhiễm,
Nghi ngờ trong Phạm hạnh,
Không đưa đến quả lớn.
Thiên tử Tãyana nói như vậy. Sau khi nói xong, đảnh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài rồi biến mất tại chỗ ấy.
Rồi Thế Tôn, sau khi đêm ấy đã mãn, liền gọi các Tỷ-kheo:
Này các Tỷ-kheo? đêm nay thiên tử Tãyana, trước kia là ngoại đạo su, sau khi đêm đã gân mãn, với dung săc thù thăng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Ta; sau khi đến, đảnh lễ Ta rồi đứng một bên. Đứng một bên9 thiên tử
Tãyana nói lên bài kệ này trước Ta:
Ôi? này Bà-la-môn5
Tinh tấn cắt dòng nước,
Đoạn trừ và tiêu diệt,
Mọi tham đắm dục vọng.
Ẩn sĩ không đoạn dục,
Không chứng được nhất tâm.
Nếu làm việc nên làm,
Cần kiên trì, tinh tấn.
Xuất gia nêu biêng nhác,
Càng tung vãi bụi trần.
Không làm hơn làm dở?
Làm dở sau khổ đau.
Đã làm nên làm tốt5

Làm tốt không khổ đau.
Như vụng nắm lá cỏ?
Có thể bị đứt tay,
2. TƯƠNG ƯNG THIÊN TỬ 65

Sa-môn hạnh vụng tu,
Kéo đến cõi địa ngục.
Mọi sở hành biêng nhác,
Mọi hạnh tu ô nhiễm,
Nghi ngờ trong Phạm hạnh,
Không đưa đến quả lớn.
Này các Tỷ-kheo5 thiên tử Tãyana nói như vậy. Nói vậy xong, đảnh lễ Ta, thân phía hữu hướng về Ta và biến mất tại chỗ. Này các Tỷ-kheo5 hãy đọc bài kệ của Tãyana. Này các Tỷ-kheo, hãy học thuộc lòng bài kệ của Tãyana. Này các Tỷ-kheo, bài kệ của Tãyana có đầy đủ nghĩa lợi và chính là căn bản của
Phạm hạnh.
IX. KINH CANDIMÃ (Candimasuttaý3 (5.1. 50)
90. Nhân duyên tại Sãvatthi. Lúc bấy giờ, thiên tử Candimã (Nguyệt) bị
Rãhu, vua a-tu-la bắt. Rồi thiên tử Candimã tưởng niệm đến Thế Tôn, trong lúc ấy nói lên bài kệ này:
Đảnh lễ đấng Giác Ngộ,
Bậc Anh Hùng muôn thuở?
Ngài là bậc Giải Thoát,
Thoát ly thật viên mãn?
Còn con bị trói buộc,
Hãy cho con quy ngưỡng.
Rồi Thế Tôn5 vì thiên tử Candimã, nói lên bài kệ này cho Rãhu, vua a-tu-la:
Canda đã quy y,
Như Lai, bậc La-hán,
Rãhu, hãy thả nó,
Vì chư Phật thương đời.
Rồi Rãhu, vua a-tu-la, giải thoát cho thiên tử Candimã. Như bị hốt hoảng,
Rãhu run sợ, lông tóc dựng ngược, đi đến Vepacitti, vua a-tu-la, và đứng một bên. Và Vepacitti, vua a-tu-la, nói lên bài kệ cho Rãhu5 vua a-tu-la, đang đứng một bên:
—Vì sao, như hốt hoảng,
Rãhu thả Canda,
Ông đến? lòng run sợ?
Ông dứng, tâm kinh hoàng?
- Đầu con bể thành bảy,
Đời con không hạnh phúc,

Với lời kệ đức Phật,
Nếu không thả Canda.13
13 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.583. 0155a07); Biệt Tạp,(r.02. 0100.167. 0436a05).

X. KINH SŨRIYA (Sũriyasutta) (5.1. 51)
91. Nhân duyên tại Sãvatthi. Lúc bấy giờ, thiên tử Sũriya (Nhật) bị Rãhu5 r
J \ . • J O 7 r r _
•/ X • Z • r
>
vua a-tu-la bắt. Rồi thiên tử Sũriya tưởng niệm đến Thế Tôn, trong lúc ấy nói lên bài kệ này:
Đảnh lễ đấng Giác Ngộ,
Bậc Anh Hùng muôn thuở,
Ngài là bậc Giải Thoát,
Thoát ly thật viên mãn5
Còn con bị trói bug
Hãy cho con quy ngưỡng.
Rồi Thế Tôn? vì thiên tử Sũriya, nói lên bài kệ này cho Rãhu? vua a-tu-la:
Sũriya đã quy y,
Như Lai, bậc La-hán,
Rãhu, hãy thả nó5
Vì chư Phật thương đời.
Ông đi giữa hư không,
Chớ nuot Sũriya.
Trong thế giới tối tăm5
Đã đem lại ánh sáng,
Là mặt trời sáng chói,
Là dĩa tròn hực đỏ,
Là lò lửa cháy nóng,
Là bà con của Ta.
Này Rãhu, Ta nói:
Hãy thả Sũriya.
Rồi Rãhu? vua a-tu-la, giải thoát cho thiên tử Sũriya. Như bị hốt hoảng,
Rãhu run sợ? lông tóc dựng ngược, đi đến Vepacitti, vua a-tu-la, và đứng một bên. Và Vepacitti, vua a-tu-la, nói lên bài kệ cho Rãhu, vua a-tu-la, đang đứng một bên:
- Vì sao, như hốt hoảng,
Rãhu thả
A r
Sũriya,

Ong đên9 lòng run sợ5
Ông đứng, tâm kinh hoàng?
Đầu con bể thành bảy,
Đời con không hạnh phúc,
Với lời kệ đức Phật,
Nếu không thả Sũriya.
2. TƯƠNG ƯNG THIÊN TỬ 67

IL PHẨM CẤP CÔ ĐỘC (ANÂTHAPINDIKAVAGGA)

I. KINH CANDIMASA (Candimasasutta) (S. I. 51)
92. Nhân duyên
tại Săvatthi.

Rồi thiên tử Candimasa, sau khi đêm
A r đã gần mãn5 với dung săc thù thăng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đên Thê Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên5 thiên tử Candimasa nói lên bài kệ này trước The Tôn:
Họ sẽ đi an toàn,
Như thú vùng không muỗi5
Sau khi chứng thiền định,
Nhất tâm? niệm tỉnh giác.
[Thế Tôn:]
Họ sẽ đi bờ kia,
Như cá phá rách lưới?
Sau khi chứng thiền định,
Tự chế, vượt lỗi lầm.
IL KINH VENDU (Vendusutta) (S I. 52)
93. Đứng một bên, thiên tử Vendu nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:
Hạnh phúc thay những người,
Sau khi hầu Thiện Thệ,
Tuân phụng lời Ngài dạy,
Tu học không phóng dật!
Thế Tôn nói: Vendu!
Những ai thiền tu học5
Trong pháp cú Ta dạy,
Tinh cần, không phóng dật5
Đúng thời họ sẽ di,
Thoát khỏi tay tử thần.
III. KINH DĨGHALATTHI (DĩghaỉaỊỊhisutta) (S I. 52) 94. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn ở Rặjagaha (Vương Xá), Trúc Lâm, tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

Rồi thiên tử Dīghalatthi, sau khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn; sau khi đến5 đảnh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, thiên tử Dīghalatthi nói lên bài kệ này trước
Thê Tôn:
Với tâm tư giải thoát,
Vị Tỷ-kheo tu thiền,
Và với lòng ước vọng,
Đạt được tâm sở nguyện.
Sau khi biết cuộc đời9
Sanh khởi rồi đoạn diet,
Tâm thuần không chấp trước,
Hưởng lợi quả như chơn.14
IV. KINH NANDANA (Nandanasutta) (5.1. 52)
95. Đứng một bên, thiên tử Nandana nói bài kệ với Thế Tôn:
Con hỏi Gotama,
Bậc Đại Giác Toàn Trí,
Con hỏi đấng Thế Tôn,
Với tri kiến vô ngại.15
Người nào gọi trì giới?
Người nào gọi trí tuệ?
Người nào vượt sầu khổ?
Người nào chư thiên lạy?
[Thế Tôn:]
Ai hộ trì giới luật5
Trí tuệ, tâm tu trì5
Chú tâm, vui thiền định?
Tâm tư trú chánh niệm,
Tất cả mọi sầu khổ,
Được trừ diệt, đoạn tận.
Các lậu hoặc tận trừ,
Sống với thân tối hậu.
Vị ấy gọi trì giới,
Vị ấy gọi trí tuệ?
vị ấy vượt sầu khổ?
Vị ấy chư thiên lạy.
V. KINH CANDANA (Candanasutta) (S. I. 53) 96. Đứng một bên5 thiên tử Candana (Chiên-đàn) nói lên bài kệ với Thế Tôn:

14 Xem s. I. 46 (kinh 83 ở trước). 15 Chủ giải: Khi đức Phật phóng hào quang, không có cây, núi nào có thể ngăn che ánh sáng được.

2. TƯƠNG ƯNG THIÊN TỬ 69

Làm sao vượt bộc lưu,
Ngày đêm vững, kiên trì?
[Thế Tôn:]
Vị luôn luôn trì giới,
Trí tuệ? khéo định tĩnh,
Chí siêng năng dõng mãnh5
Vượt bộc lưu khó vượt.16
Vị đoạn, ly dục tưởng,
Vượt khỏi sắc triền phược,
Đoạn tận hỷ? hữu ái,1718
Không chìm xuông vực sâu.
VI. KINH VÃSUDATTA (Vãsudattasutta)^ (S I. 53)
97. Đứng một bên, thiên tử Văsudatta nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:
Như kiếm đã chạm da,
Như lửa cháy trên đầu,
Tỷ-kheo hãy chánh niệm,
Xuất gia, bỏ ái dục.
[Thế Tôn:]
Như kiếm đã chạm da,
Như lửa cháy trên đầu,
Tỷ-kheo hãy chánh niệm,
Xuất gia, bỏ thân kiến.
VIL KINH SUBRAHMÃ (Subrahmasuttaỳ920 (S I. 53)
98. Đứng một bên? thiên tử Subrahmã nói lên bài kệ với Thế Tôn:
Tâm này thường sợ hãi?
Ý này thường dao động,
Điều mong ước không khởi5
Điều không mong lại khởi.
Nếu không có sợ hãi,
Hãy nói điều con hỏi.
[Thế Tôn:]
Không ngoài hạnh giác chi,2°
Không ngoài hộ trì căn,21
16 Xem s. I. 165 (kinh 192 ở sau); s. I. 197 (kinh 222 ở sau). Xem Pss. Breth. 335. 17 Chỉ cho 16 sắc giới thiên, từ Phạm thiên trở lên. Dục giới bao gồm những cảnh giới thấp hơn 18 Bản tiếng Anh của PTS: Sudatta, phiên âm là Tu-đạt-đa. 19 Theo Chủ giải, thiên

tòSubrạhmã hưởng thiên lạc ở thiên giới thấp nhất, khi nghiệp quả hết phải sanh vào địa ngục. Vì vậy, vị ấy buồn rầu đến yết kiến đức Phật. 20 Bojjha tapasã\ Đây có thể xem là thực hành 7 giác chi và 13 hạnh Đầu-đà. 21 Xem s. L 47 (kinh 84 ở trước).

Kh6ng ngoài bỏ tất cả,
Ta thấy các pháp ấy,
Đưa đến sự an toàn,
Cho tất cả chúng sanh.
Nói như vậy... rồi thiên tử biến mất tại chỗ ấy.
VIII. KINH KAKUDHA (Kakudhasutta) (5.1. 54)
99. Như vầy tôi nghe.
Một thời, Thế Tôn ở Sãketa, rừng Afijana, tại Vườn Nai. Rồi thiên tử
Kakudha,22 sau khi đêm đã gân mãn, với dung săc thù thăng chói sáng toàn khu
~‘ -4- * ỉ\ -ĩ- FT^i \ r_ri 1 i
LY rr^l A FT~Ĩ Ạ _ A' -X r _ /\ J i A rừng Afijana, đi đên Thê Tôn; sau khi đên? đánh le Thê Tôn roi đứng một bên.
Đứng một bên5 thiên tử Kakudha bạch Thế Tôn:
-Thưa Sa-môn5 Ngài có hoan hỷ không?
Ta được cái gì, này Hiền giả, mà Ta hoan hỷ?
Nêu vậy, thưa Sa-môn5 có phải Ngài sâu muộn?
Ta mòn mỏi cái gì? này Hiền giả? mà Ta sầu muộn?
-Vậy thời thưa Sa-môn5 Ngài không hoan hỷ và không sầu muộn?
Thật như vậy5 này Hiền giả.
—Làm sao, này Tỷ-kheo,
Ngài không có sầu muộn5
Tuy vậy Ngài cũng không
Có được sự hoan hỷ?
Làm sao, nay Ngài lại5
Ngồi cô độc một minh,
Không có được hoan hỷ5
Cũng không bị dao động?23
Thật sự5 này dạ-xoa5
Ta không có sầu muộn,
Tuy vậy ở nơi Ta,
Hoan hỷ không khởi lên.
Dầu nay Ta có ngồi,
Riêng một mình cô độc,
Ta không có hoan hỷ9
Cũng không bị dao động.

Làm sao, này Tỷ-kheo,
Ngài không có sầu muộn,
22 Vị này trước là thị giả của Tôn giả Đại Mục-kiền-liên. Vị ấy viên tịch trong khi ngồi thiền định và được sinh lên cõi Phạm thiên. 23 Aratī nābhikīrati. Xem Pss. Breth. 261, n. 1.

2. TƯƠNG ƯNG THIÊN TỬ 71

Làm sao, ở nơi Ngài,
Hoan hỷ không khởi lên?
Làm sao, nay Ngài lại,
Ngồi cô độc một mình,
Không có được hoan hỷ9
Cũng không bị dao động?
Hoan hỷ chỉ có dến,
Với người tâm sầu muộn.
Sầu muộn chỉ có đến,
Với người tâm hoan hỷ.
Do vậy vị Tỷ-kheo?
Không hoan hỷ, sầu muộn.
Vậy nên5 này Hiền giả,
Ong phải biêt như vậy.
Đã lâu, con mới thấy,
Bà-la-môn tịch tịnh?
Vị Tỷ-kheo idiông sầu,
Cũng không có hoan hỷ,
Đã an toàn vượt khỏi,
Chỗ người đời đắm say.24
IX. KINH UTTARA (Uttarasutta) (S. I. 54)
100. Tại thành Vương Xá. Đứng một bên5 thiên tử Uttara nói lên bài kệ này trước Thê Tôn:
Mạng sông bị dăt dân,
Tuôi thọ chăng là bao,
Bị dẫn đến già nua,
Không có nơi dừng bước.
Ai đem tâm quán tưởng,
Sợ hãi tử vong này,
Hãy làm các công đức,
Đưa đến chơn an lạc.
[Thế Tôn:]
Mạng sông bị dăt dân?

Tuổi thọ chẳng là bao,
Bị dẫn đến già nua,
Không có nơi dừng bước.
Ai đem tâm quán tưởng,
Sợ hãi tử vong này,
24 Xem s. I. 1 (kinh 1 ở trước).

72 « KINH TƯƠNG ƯNG Bộ I. THIÊN CÓ KỆ

Hãy bỏ mọi thế Iqi, Tâm hướng cầu tịch tịnh.25

X. KINH ANATHAPINDIKA (Anathapiṇḍikasutta) (S I. 55) 101. Đứng một bên, thiên tử Anãthapiṇḍika (Cấp Cô Độc)26 nói lên bài kệ này tnrac The Tôn: ụ ụ 9

Đây là rừng Kỳ Viên,
Chỗ trú xứ Thánh chúng,
Chỗ ở đấng Pháp Vương,
Khiến tâm con hoan hỷ.
Nghiệp, minh và tâm pháp.
Giới và tối thắng mạng,
Chính những Diệu pháp ấy,
Khiến chúng sanh thanh tịnh,
Không phải vì dòng họ?
Không phải vì tài sản.
Do vậy bậc Hiền giả,
Thấy lợi ích chính minh,
Chánh giác sát tâm pháp,
Như vậy được thanh tịnh.
Như Ngài Xá-lợi-phất?
Tuệ, giới và tịch tịnh,
Tỷ-kheo đến bờ giác,
Ở đây là tối thượng.
Thiên tử Anãthapiṇḍika nói như vậy; nói vậy xong, đảnh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài, rồi biến mất tại chỗ ấy.
Rồi Thế Tôn, sau khi đêm ấy đã qua, liền gọi các Tỷ-kheo và nói:
Này các Tỷ-kheo5 đêm nay có thiên tử, sau khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Ta; sau khi đến, đảnh lễ Ta rồi đứng một bên. Đứng một bên, này các Tỷ-kheo? vị thiên tử ấy nói lên bài kệ này trước Ta:
Đây là rừng Kỳ Viên,
Chỗ trú xứ Thánh chúng,
Chỗ ở đấng Pháp Vương,
Khiến tâm con hoan hỷ.

Nghiệp, minh và tâm pháp,
Giới và tối thắng mạng,
25 Xem s. I. 2 (kinh 3 ở trước). 26 Xem s. I. 33 (kinh 46 ở trươc).

2. TƯƠNG ƯNG THIÊN TỬ 73

Chính những Diệu pháp ấy,
Khiến chúng sanh thanh tịnh?
Không phải vì dòng họ?
Không phải vì tài sản.
Do vậy bậc Hiền giả?
Thấy lợi ích chính mình,
Chánh giác sát tâm pháp?
Như vậy được thanh tịnh.
Như Ngài Xá-lợi-phất5
Tuệ? giới và tịch tịnh?
Tỷ-kheo đến bờ giác,
Ở đây là tối thượng.
Này các Tỷ-kheo, thiên tử ấy nói như vậy; nói vậy xong, đảnh lễ Ta, thân phía hữu hướng về Ta rồi biến mất tại chỗ.
Được nghe nói như vậy? Tôn giả Ãnanda bạch Thế Tôn:
-Bạch Thế Tôn? có phải vị thiên tử ấy là Anãthapindika? Gia chủ
Anãthapindika hết dạ tín thành đối với Tôn giả Sãriputta?
Lành thay! Lành thay! Này Ananda, cho đẹn những gì có thể đạt được nhờ suy diễn, này Ãnanda, ông đã đạt được. Này Ãnanda, Anãthapinậika là vị thiên tử ấy.
74 KINH TƯƠNG ƯNG Bộ L THIÊN CÓ KỆ

III. PHẨM CÁC NGOẠI ĐẠO (NANATITTHHAVAGGA)

L KINH SIVA (Sivasutta) (5.1. 56)
102. Như vầy tôi nghe.
Một thời, Thế Tôn trú ở Sãvatthi (Xá-vệ), Jetavana (Thắng Lâm)? tại vườn ông Anãthapindika (Cấp Cô Độc). Rồi thiên tử Siva,27 sau khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn; sau khi đến5 đảnh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, thiên tử Siva nói lên bài kệ nay trước The Ton:
Hãy thân với người lành,
Hãy gần gũi người thiện,
Biết Diệu pháp người hiền,
Chỉ tốt hơn, không xấu.
Hãy thân với người lành,
Hãy gần gũi người thiện,
Biết Diệu pháp người hiền,

Được tuệ, không gì khác.
Hãy thân với người lành,
Hãy gần gũi người thiện,
Biết Diệu pháp n^ười hiền,
Không sâu giữa sâu muộn.
Hãy thân với người lành,
Hãy gần gũi người thiện,
Biêt Diệu pháp người hiên,
Chói sáng giữa quyến thuộc.
Hãy thân với người lành,
Hãy gần gũi người thiện,
Biet Diệu pháp người hiền,
Chúng sanh sanh thiện thú.
Hãy thân với người lành,
Hãy gần gũi người thiện,
27 Sỉva trong Kinh tạng có nghĩa là may mắn, hạnh phúc.

2. TƯƠNG ƯNG THIÊN TỬ 75

Biêt Diệu pháp người hiên5
Chúng sanh thường hưởng lạc.
Rồi Thế Tôn đáp lại thiên tử Siva với bài kệ:
Hãy thân với người lành,
Hãy gần gũi người thiện,
Biết Diệu pháp người hiền,
Giải thoát mọi khổ đau.
IL KINH KHEMA (Khemasutta)(y I. 57)
103. Đứng một bên, thiên tử Khema nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:
Kẻ ngu không trí tuệ528
Lấy ngã làm kẻ thù?
Tự làm các ác nghiệp,
Đưa đên quả đăng cay.
Nghiệp nào không khéo làm,
Làm xong bị nung nấu,
Với mặt đầy nước mắt,
Khóc lóc chịu quả báo.
Và nghiệp nào khéo làm,
Làm xong, không nung nấu,
Tâm vui, ý thoải mái,
Vị ấy hưởng quả báo.
[Thế Tôn:]

Biết điều lợi cho minh,
Làm trước điều phải làm,
Không tâm trạng đánh xe,
Kẻ trí lòng tinh tấn.
Như người chủ đánh xe,
Rời đại đạo thăng băng?
Leo lên đường lồi lõm?
Ưu tư nạn gãy trục.
Cũng vậy, bỏ Chánh pháp,
Người ngu theo phi pháp,
Rơi vào miệng tử thân,
Ưu tư như gãy trục.
IIL KINH SERĨ (Serĩsutta) (S. I. 57)
104. Đứng một bên, thiên tử Serĩ29 nói lên bài kệ với Thế Tôn:
28 Xem .V. 66-68.
29 Xem s. I. 32 (kinh 43 ở trước). Ngài Buddhaghosa nói Serĩ là vua của hai nước Sindhu và Sodhika, tên thành là Roruva. Trong J. III. 470, thành này được gọi là Sovĩra.

Cả hai loại trời, ngu&i, Đều ưa thích ăn uống, Có kẻ dạ-xoa nào, Lại không thích ăn uống? [Thế Tôn:] Ai cho với lòng tin, Với tâm tư thanh tịnh, Được phần món ăn ấy, Đời này và đời sau. Vậy hãy ngăn xan tham, Bố thí, nhiếp cấu uế, Chúng sanh vẫn hưởng thọ, Công đức trong đời sau. —Thật là hy hữu, bạch Thế Tôn! Thật là kỳ diệu9 bạch Thế Tôn! Thế Tồn đã nói điều khéo nói như vậy: Ai cho với lòng tin, Với tâm tư thanh tịnh? Được phần món ăn ấy, Đời này và đời sau. Vậy hãy ngăn xan tham, Bố thí, nhiếp cấu uế, Chúng sanh vẫn hưởng thọ, Công đức trong đời sau. Bạch Thế Ton, thuở xưa con là vị vua tên Serĩ ưa bố thí5 là bậc thí chủ tán thán bố thí. Bạch Thế Tôn, tại bốn cửa thành, bố thí được phân phát nhân danh con cho những ai đến xin, cho các vị Bà-la-môn và Sa-môn, cho các người nghèo đói và tàn phế, cho các nhà lữ hành và hành khất. Bạch Thế Tôn, khi con đến các cung phi của con, họ thưa với con: "Đại vương thường hay bô thí, còn chúng con chưa bô thí. Lành thay nêu chúng con được nương tựa Đại vương để bố thí và làm các công dức!" Bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như sau: "Ta là người ưa bố thí, là thí chủ tán thán bố thí. Nay ta phải trả lời như thế nào khi họ đến và thưa: 'Chúng ta hãy bố thí'?" Bạch Thế Tôn, con cho các cung phi cửa thành thứ nhất. Ở đây, các cung phi được bố thí, và vật bố thí của con trở lui lại cho con. Rồi bạch Thế Tôn, các Sát-đế-lỵ (Khattiya), chư hầu của con đến con và thưa: "Đại vương đã bố thí. Các cung phi đã bố thí. Chúng con chưa bố thí. Lành thay nếu chúng con được nương tựa Đại vương để bố thí và làm các công đức!59 Bạch Thế Tôn? con suy nghĩ như sau: "Ta là người ưa bố thí, là thí chủ tán thán bố thí. Nay ta phải trả lời như thế nào khi họ đến và thưa: 'Chúng ta hãy

bố thí'?" Bạch Thế Tôn, con cho các chư hầữ Khattiya cửa thành thứ hai. Ở đây? các chư hầu Khattiya được bố thí, và vật bố thí của con trở lui lại cho con. Rồi bạch Thế Tôn? quân đội đến con và thưa: "Bại vương đã bố thí. Các cung phi đã bố thí. Các chư hầu Khattiya đã bố thí. Chúng con chưa bố thí. Lành thay nếu chúng con được nương tựa Đại vương để bố thí và làm các công dức!" Bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như sau: "Ta là người ưa bố thí, là thí chủ tán thán bố thí. Nay ta phải trả lời như thế nào khi họ đến và thưa: 'Chúng ta hãy bố thí,?^^ Bạch Thế Tôn5 con cho quân đội cửa thành thứ ba. Ở dây, quân đội được bô thí, và vật bô thí của con trở lui lại cho con. Rồi bạch Thế Tôn, các Bà-la-môn gia chủ đến con và thưa: uĐại vương đã bố thí. Các cung phi đã bố thí. Các chư hầu Khattiya đã bố thí. Quân đội đã bố thí. Chúng con chưa bố thí. Lành thay nếu chúng con được nương tựa Đại vương để bố thí và làm các công due!95 Bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như sau: "Ta là người ưa bố thí, là thí chủ tán thán bố thí. Nay ta phải trả lời như thế nào khi họ đến và thưa: 'Chúng ta hãy bố thí'?" Bạch Thế Tôn? con cho các Bà-la-môn gia chủ cửa thành thứ tư. ố đây, các Bà-la-môn gia chủ được bố thí, và vật bố thí của con trở lui lại cho con. Rồi bạch Thế Tôn, các cận thần của con đến thưa với con: "Nay Đại vương không còn vật bố thí nào để cho nữa.,, Khi nghe nói vậy? bạch Thế Tôn, con nói với các người ấy như sau: Ế6Này các ông, các thuê má thâu hoạch được từ các nước ngoài vào, một nửa hãy gửi vào trong nội thành, một nửa ngay tại chỗ ấy đem bố thí cho các vị Sa-môn5 Bà-la-môn, các người nghèo và tàn tật, các nhà lữ hành và hành khất." Như vậy, bạch Thế Tôn? con không chấm dứt trong một thời gian dài các việc làm công dức, trong một thời gian dài các việc làm thiện, những việc làm được con xem như là công đức? hay như là công đức quả, hay như là những điều kiện được sanh thiên giới. Thật là hy hữu, bạch Thế Tôn! Thật là kỳ diệu5 bạch Thế Tôn! Thế Tôn đã nói lên điều khéo nói như vầy: Ai cho với lòng tin, Với tâm tư thanh tịnh5 Được phần món ăn ấy, Đời này và đời sau. Vậy hãy ngăn xan tham, Bố thí, nhiếp cấu uế? Chúng sanh vẫn hưởng thọ, Cồng đức trong đời sau. IV. KINH GHATĨKẢRA (GhaỊĩkãrasutta) (5.1. 60) 105. Đứng một bên, thiên tử Ghatĩkãra nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:

78 « KINH TƯƠNG ƯNG Bộ I. THIÊN CÓ KỆ

Được sanh Vô Phiền thiên,
Bảy Tỷ-kheo giải thoát,
Đoạn tận tham và sân9
Siêu thoát đời ái trược.
[Thế Tôn:]
Vượt bùn, họ là ai,
Khó vượt lệnh thần chết,
Sau khi bỏ thân người,
Họ thoát ách chư thiên?
[Ghatĩkãra:]
Họ là upaka,
Và Phalaganda,

Với Pukkusãti,
Hợp thành là ba vị.
Lại thêm Bhaddiya,
Với Khanặadeva,
Và Bãhuraggi,
Cùng với Pihgiya,
Sau khi bỏ thân người,
Họ thoát ách chư thiên.
[Thế Tôn:].
Ông nói điều tốt lành, về bảy Tỷ-kheo ấy,
Họ thoát ly, đoạn trừ,
Các cạm bẫy Ma vương.
Pháp họ biết của ai,
Đoạn được hữu kiết sử?
[Ghatĩkãra:]
Không ai ngoài Thế Tôn,
Chính thật giáo lý Ngài,
Họ biêt pháp của Ngài,
Đoạn được hữu kiết sử.
Chỗ nào danh và sắc,
Được đoạn diệt không du,
Họ học được pháp ấy,
Ở đây từ nơi Ngài.
Nhờ vậy họ đoạn trừ,
Hữu kiết sử trói buộc.
[Thế Tôn:]
Lời ông nói thâm sâu5
Khó biết, khó chứng ngộ,
2. TƯƠNG ƯNG THIÊN TỬ « 79

Pháp ông biêt của ai,
Sao ông không nói được?
[Ghatĩkãra:]
Thuở xưa, con thợ gốm5
Tại VehaḶiồga,
Và con được tên gọi,
Là Ghatĩkára.
Chính con lo nuôi dưỡng,
Cả mẹ lẫn cả cha,
Đối với Phật Ca-diếp,

Con đệ tử tại gia.
Con viễn ly dâm dục5
Phạm hạnh, không thế vật?
Thuở xưa, con đồng hương,
Cũng là bạn của họ,
Do vậy con biết hẹ),
Bảy Tỷ-kheo giải thoát,
Đoạn tận tham và sân,
Vượt qua đời phiền trược.
[Thế Tôn:]
Vậy này Bhaggava,
Chính như ông vừa nói,
Thuở xưa, ông thợ gốm5
Tại VehaḶiồga,
Và ông được tên gọi,
Là Ghatĩkãra.
Chính ông lo nuôi dưỡng,
Cả mẹ lẫn cả cha.
Đối vơi Phật Ca-diếp,
Ông đệ tử tại gia.
Ông viễn ly dâm dục,
Phạm hạnh, khồng thế vật.
Thuở xưa, ông đồng hương,
Cũng là bạn của Ta.
Như vậy là hội ngộ3
Giữa những bạn thuở xưa,
Cả hai khéo tu tập?
Mang thân này toi hậu.
V. KINH JANTU ựantusuttã) (5.1. 61)
106. Như vầy tôi nghe.

Một thời, một số đông Tỷ-kheo trú ở Kosala (Câu-tát-la), trên sườn núi Himalaya (Tuyết Sơn), tại một cốc nhỏ trong rừng. Họ tự cao, tự mãn9 dao động, lăm môm lăm miệng, ăn nói huyên thuyên,30 that niệm, không tỉnh giác, không định tĩnh, tâm tư tán loạn5 các căn không chế ngự.

Roi thiên tử Jantu, vào đêm Bô-tát, ngày răm? đi đên các Tỷ-kheo ây; sau khi đến nói lên bài kệ với các Tỷ-kheo ấy:

Các Tỷ-kheo thuở xua,
Sống thật chơn an lạc?

Họ thật là đệ tử,
Bạc Đại Giác Cù-đàm.
Không ham tìm món ăn?
Không ham tìm chỗ trú,
Biết đời là vô thường,
Họ chấm dứt khổ đau.
Nay tự làm ác hạnh,
Như thôn trưởng trong làng,
Họ ăn5 ăn rồi nằm5
Thèm khát vật nhà người.
Con vái chào chúng Tăng,
Đảnh lễ một vài vị.
Kẻ khác sống vất vưởng,
Không chỉ đạo? hướng dẫn,
Họ giống như thân thể
Kẻ chết bị quăng bỏ.
Những ai sống phóng dật5
Vì họ con nói lên.
Những ai không phóng dật5
Chân thành, con đảnh lễ.

VI. KINH ROHITASSA (Rohitassasutta) (y I. 61)

107. Nhân duyên tại Sãvatthi. Đứng một bên, thiên tử Rohitassa bạch Thê Tôn:

Bạch Thế Tôn? tại chỗ nào không có sanh không có già, không có chết, không có diệt5 không có khởi9 làm sao, bạch Thế Tôn, với bộ hành, có thể biết được, hay thấy được, hay đạt được sự tận cùng của thế giới?

Này Hiền giả, tại chỗ nào không có sanh, không có già? không có chết, không có diệt, không có khởi, Ta nói rằng tại chỗ ấy, không thể với bộ hành biết được hay thấy được, hay đạt được sự tận cùng của thế giới.

30 Uddhatã, unnaḷã, capaḷã, mukharã, vỉkỉnnavãcã. Xem các vần kệ của Tôn giả Phussa trong Thag. V. 958. XemJPTS. 1913-14 (PugÁ). 217.

Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Thế Tôn đã nói lên điều Idiéo nói như vầy: "Này Hiền giả? tại chỗ nào không sanh, không già, không chết5 không diệt, không khởi, Ta nói rằng tại chỗ ấy? không thể với bộ hành biết được hay thấy được, hay đạt được sự tận cùng của thế giới.,, Bạch Thế Tôn, thuở trước, con tên là Rohitassa, con của Bhoja, có thần th6ng, có thể đi giữa hư không. Bạch Thế Tôn, tốc lực con mau lẹ cho đến con có the bay, như người thợ bắn cung lão luyện, khéo tập, khéo luyện, thuần thục, thiện xảo, với một cây cung chắc mạnh không gì khó khăn, có thể bắn một mũi tên nhẹ bay vượt qua bóng tối của cây Sa-la.31 Và bạch Thế T6n, bước đi

của con dài cho đến con có thể bước từ biển phía Đông qua biển phía Tây. Và ở nơi con, bạch Thế Tôn, khởi lên sự ước muốn như sau: uVới bộ hành, ta có thể đạt đến được sự tận cùng của thế giới,,, Và bạch Thế Tôn? dầu cho tốc lực của con mau đến như vậy; dầu cho con có bước dài đến như vậy; dầu cho con không có dừng để ăn? hay uống? hay nhai, hay nếm; dầu cho con không có đại tiện, tiểu tiện; dầu cho con không ngủ, không bị mệt nhọc, không trừ câu uê; dâu cho trăm năm là tuổi thọ thường tình; dầu cho trăm năm là mạng sống thường tình; tuy con đi hơn trăm năm và bị mệnh chung, con cũng không thể đạt đến sự tận cùng của thế giới. Thật là vi diệu? bạch Thế Tôn! Thật là hy hữu, bạch Thế Tôn! Thế Tôn đã nói lên điều khéo nói như vầy: "Này Hiền giả, tại chỗ nào không sanh, khônẹ già, không chết, không diet, không khởi, Ta nói rằng tại chỗ ấy không có the với bộ hành biết được hay thấy được? hay đạt được sự tận cùng của thế giới. Ta nói như vậy.v Này Hiên giả, nhimg Ta cũng không nói răng không đạt được sự tận cùïiệ của thê giới thời châm dứt cuộc khô đau. Này Hiên gia, chính trong cai than thê . tâm,3233 dàir một có tưởng, a A có thức này, Ta "tuyên bô ĩ J giói,33 nguyên thê y nhân r . ,. của thê giới, sự đoạn diệt thê giới và con đường đưa đên sự đoạn diệt của thê giới. Bộ hành không bao giờ, Đạt được thế giới tận, Không được thế giới tận, Không thể thoát khỏi khổ. Do vậy mà thật sự, Bậc Trí, Thế Gian Giải, Đạt đến thế giới tận5 Phạm hạnh được viên thành.

31 P. Tãla; s. Tãla; H.(đa-lạ),(kiên-lư),(tông-lư); E: The palmyra tree (cây cọ, cây thốt nôt). Giông cây này mọc rât nhiêu ở Ấn Độ, Tích Lan, Campuchia, miền Nam Việt Nam... Bản dịch 5 bộ Nikãya do HT. Thích Minh Châu thực hiện đêu phiên âm là Sa-la. Lưu ý, cây này khác với cây Sãlã, nới đức Phật đã nhập Niết-bàn. 32 Vyãma, bằng độ dài của một người dang rộng hai tay ra. 33 Ngài Buddhaghosa cho rằng thuật ngữ "thế gi&i" này là satta-sankhãraloka tức thế giới hiện tượng của chúng sinh hữu tình.

82 KINH TƯƠNG ƯNG BỘ I. THIÊN CÓ KỆ

Với tâm tư định tĩnh,
Biết được thế giới tận5
Không ước vọng đời này,
Không ước vọng đời sau.
VII. KINH NANDA (Nandasutta)3435 (S. I. 62)
108. Đứng một bên? thiên tử Nanda nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:
Thời gian [lặng] trôi qua,
Đêm [ngày] luôn di động,
Tuổi tác buổi thanh xuân,
Tiếp tục bỏ chúng ta.
Những ai chịu quán sát,
Sợ hãi tử vong này,
Hãy làm các công đức,
Được hưởng cảnh an lạc.
[Thế Tôn:]

Thời gian [lặng] trôi qua,
Đêm [ngày] luôn di động,
Tuổi tác buổi thanh xuân5
Tiếp tục bỏ chúng ta.
Những ai chịu quán sát,
Sợ hãi tử vong này,
Hãy bỏ lợi thế gian,
Được hưởng chơn tịch tịnh.
VIII. KINH NANDIVISÃLA (Nandivisãlasutta) (5.1. 63)
109. Đứng một bên5 thiên tử Nandivisãla nói lên bài kệ với Thế Tôn:
Bốn bánh xe, chín cửa,35
Đầy uế, hệ lụy tham,
Chìm đắm trong bùn nhơ.
Ôi! Thưa bậc Đại Hùng,
Sanh thú người như vậy,
Tương lai sẽ thế nào?
[Thế Tôn:]
Cắt dây da buộc ràng?
Dục tham và tà ác,
Ái căn được đoạn tận,
Sanh thú sẽ như vậy.
34 Xem s. I. 3 (kinh 4 ở trước). 35 Xem s. I. 16 (kinh 29 ở trước).

2. TƯƠNG ƯNG THIÊN TỬ 83

IX. KINH SUSIMA (Susimasuttă)(y I. 63) 110. Nhân duyên tại Sãvatthi. Rồi Đại đức Ãnanda đi đến Thế Tôn; sau khi đến? đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Đại đức Ãnanda đang ngồi một bên: Này Ãnanda, ông có hoan hỷ với Sãriputta không? Bạch Thế Tôn, ai là người không ngu si, không ác tâm, không si ám, không loạn tâm, lại có thể không hoan hỷ đối với Tôn giả Sãriputta? Bạch Thế Tôn, Hiền trí là Tôn giả Sãriputta. Bạch Thế Tôn, Đại tuệ là Tôn giả Sãriputta. Bạch Thế Tôn, Quảng tuệ là Tôn giả Sãriputta. Bạch Thế Tôn, Hỷ tuệ là Tôn giả Sãriputta. Bạch Thế Tôn5 Tiệp tuệ là Tôn giả Sãriputta. Bạch Thế T6n, Lợi tuệ là Tôn giả Sãriputta. Bạch Thế Tôn, Quyết trạch tuệ là Tôn giả Sãriputta.36 Bạch Thế Tôn, ít dục là Tôn giả Sãriputta. Bạch Thế Tôn, Biết đủ là Tôn giả Sãriput- ta. Bạch Thế Tôn, Viễn ly là Tôn giả Sãriputta. Bạch Thế Tôn? Bất cộng trú là Tôn giả Sãriputta. Bạch Thế Tôn, Tinh cần tinh tấn là Tôn giả Sãriputta. Bạch Thế Tôn, Biện tài là Tôn giả Sãriputta. Bạch Thế Tôn, Nghe lời trung ngôn là Tôn giả Sãriputta. Bạch Thế Tôn, Cáo tội trung thực là Tôn giả Sãriputta. Bạch Thế Tôn? Chỉ trích ác pháp là Tôn giả Sãriputta. Bạch Thế Tôn, ai là người không ngu si, không ác tâm5 không si ám, không loạn tâm lại có thể không hoan hỷ đối với Tôn giả Sãriputta? -Như vậy là phải5 này Ãnanda! Như vậy là phải, này Ãnanda! Này Ãnanda, ai là người khônẹ ngu si, không ác tâm, không si ảm, không loạn tâm, lại có thể không

hoan hỷ đối với Sãriputta? Này Ãnanda, Hiền trí là Sãriputta. Này Ãnanda, Đại tuệ là Sãriputta. Này Ãnanda, Quảng tuệ là Sãriputta. Này Ãnanda, Hỷ tuệ là Sãriputta. Này Ãnanda, Tiệp tuệ là Sãriputta. Này Ananda, Lợi tuệ là Sãriputta. Này Ãnanda, Quyết trạch tuệ là Sãriputta. Này Ãnanda, ít dục là Sãriputta. Nàỵ Ãnanda, Biết đủ là Sãriputta. Này Ananda, Viên ly là Sãriputta. Này Ananda, Bât cộng trú là Sãriputta. Này Ãnanda, Tinh cần tinh tấn là Sãriputta. Này Ãnanda, Biện tài là Sãriputta. Này Ãnanda, Nghe lời trung ngôn là Sãriputta. Này Ãnanda, Cáo tội trung thực là Sãriputta. Này Ananda, Chỉ trích ác pháp là Sãriputta. Này Ãnanda, ai là người không ngu si, không ác tâm, không si ám, không loạn tâm, lại có thể không hoan hỷ đối với Sãriputta? Rồi thiên tử Susima, trong khi được nghe lời tán thán về Tôn giả Sãriputta, vơi đại chúng thiên tử đoanh vây, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên5 thiên tử Susima bạch Thế Tôn: Như vậy là phải, bạch Thế Tôn. Như vậy là phải, bạch Thiện Thệ. Bạch Thế Tôn, ai là người không ngu si, không ác tâm, không si ám, không loạn tâm lại có thể không hoan hỷ đối với Tôn giả Sãriputta? Bạch Thế Tôn? Hiền trí là Tôn giả Sãriputta. Bạch Thế Tôn, Đại tuệ là Tôn giả Săriputta... Bạch Thế Tôn? Chỉ trích ác pháp là Tôn giả Sãriputta. Bạch Thế Tôn, ai là người không ngu si,

36 M. \\\,Anupada Sutta (Kỉnh Bất đoạn), M. III. 25, đoạn 93.

không ác tâm, không si ám, không loạn tâm lại có thể không hoan hỷ đối với Tôn giả Sãri^utta? Bạch Thế Tôn, con đi đến chúng thiên tử nào, con đều được nghe nhiều lan tiếng nói như vậy: "Hiền trí là Tôn giả Sãriputta... Chỉ trích ác pháp là Tôn giả Sãriputta. Ai không ngu si, không ác tâm, không si ám, không loạn tâm lại có thể không hoan hỷ đối với Tôn giả Sariputta?" Rồi chúng thiên tử của thiên tử Susima, trong khi những lời tán thán Tôn giả Sãriputta được lớn tiếng nói lên, họ hoan hỷ? hỷ duyệt, hân hoan và thân chói sáng màu sắc thù thắng. Ví như một hòn lưu ly bảo châu đẹp đẽ, trong suốt5 có tám mặt, khéo giũa, khéo mài5 được đặt trên một tấm màn màu vàng da cam,37 chói sáng, chiếu sáng và bừng sáng. Cũng vậy, chúng thiên tử của thiên tử Susima, trong khi những lời tán thán Tôn giả Sãriputta được lớn tiếng nói lên? họ hoan hỷ? hỷ duyệt, hân hoan và thân chói sáng màu sắc thù thắng. Ví như một đồ trang sức bằng vàng mịn được một người thợ vàng thiện xảo khéo đập? khéo mài? đặt trên một tấm màn màu vàng da cam, chói sáng, chiếu sáng và bừng sáng. Cũng vậy9 chúng thiên tử của thiên tử Susima, trong khi những lời tán thán Tôn giả Sãriputta được lớn tiếng nói lên, họ hoan hỷ, hỷ duyệt, hân hoan và thân chói sáng màu sắc thù thắng. Ví như trong mùa thu, bầu trời37 38 không một áng mây, khi đêm đã gần sáng, sao mai chói sáng? chiếu sáng và bừng sáng. Cũng vậy? chúng thiên tử của thiên tử Susima, trong khi những lời tán thán Tôn giả Sãriputta được lớn tiếng nói lên, họ hoan hỷ, hỷ duyệt, hân hoan và thân chói sáng màu sắc thù thắng. Ví như trong mùa thu, bầu trời không một áng mây, mặt trời mọc lên giữa trời, đánh tan màn đêm? khắp giữa hư không chói sáng, chiếu sáng và bừng sáng. Cũng vậy, chúng thiên tử của thiên tử Susima, trong khi những lời tán thán Tôn giả Sãriputta được lớn tiếng nói lên? họ hoan hỷ, hỷ duyệt, hân hoan và thân chói sáng màu sắc thù thắng. Rồi thiên tử Susỉma nói lên bài kệ này trước

Thế Tôn về Sãriputta: Ngài Sãriputta, Được mọi người xác nhận, Là một bậc Hiền trí, Không phẫn hận, ít dục? Nhu thuận và điều phục, Được Đạo sư tán thán. Rồi Thế Tôn nói lên bài kệ về Sãriputta cho thiên tử Susima: về Sãriputta, Mọi người đều xác nhận9

37 Pandw. Hào quang của chư thiên tùy thời chiếu sáng rỡ với nhiều màu sắc tuyệt đẹp như màu vàng nghệ, vàng tươi, đỏ, trắng. 38 Deva, trong kinh này, Ngài Buddhaghosa giải thích là ãkãsa.

2. TƯƠNG ƯNG THIÊN TỬ 85

Là một bậc Hiền trí,
Không phẫn hận, ít dục,
Nhu thuận và điêu phqc,
Như người khéo điều phục?
Chờ đợi thời giờ đến,
Để hưởng quả thuần thục.

X. KINH CÁC NGOẠI ĐẠO SƯ (Nãnãtitthìyasãvakasutta) (S I. 65)

111. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở thành Vương Xá? tại Trúc Lâm, chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

Rồi rất đông thiên tử5 là đệ tử của nhiều ngoại đạo sư39 như: Asama, Sahali, Ninka, Ãkotaka, Vetambarĩ và Mãnavagãmiya, khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn; sau khi đến5 đảnh lễ Thế Ton roi đứng một bên. Đứng một bên? thiên tử Asama nói lên bài kệ này trước Thế Tôn về Pũrana Kassapa:

Ở đây nếu có người,
Chém giết hay hại người,
Kassapa không thấy,
Qua các hành động ấy,
Là ác nghiệp cho mình,
Hay công đức cho mình.
Ngài tuyên bố như vậy5
Làm căn bản đức tin,
Ngài thật bậc Đạo sư,
Đáng được tôn kính, lễ.

Rồi thiên tử Sahali nói lên bài kệ này trước Thế Tôn về Makkhali Gosãla:

Khổ hạnh và yểm ly,
Khéo điều phục, tự chế,
Từ bỏ các lời nói,
Gây đấu tranh với người.
Thăng bằng, tránh phạm tội,
Nói những lời thực ngữ,
Ngài không bao giờ làm,

Các tội phạm như vậy.
Rồi thiên tử Ninka nói lên bài kệ này trước Thế Tôn về Nigantha Nãtaputta:
Vị Tỷ-kheo yểm ly?
Sáng suốt theo tế hạnh,
Khéo theo bốn tự chế,
39 Họ tin tưởng ở nghiệp, nhờ thiện nghiệp được sanh lên thiên giới và đồng ý xuống thế gian để tán thán bậc Đạo sư của họ.

86 KINH TƯƠNG ƯNG BỘ I. THIÊN CÓ KỆ

Chỉ nói điều nghe thấy,40
Không phạm điều lỗi lầm.
Rồi thiên tử Ãkotaka nói lên bài kệ này trước Thế Tôn về các ngoại đạo sư:
Các ngoại đạo sư này5
Như Pakudhaka Kãtiyãna,
Cùng với Nigantha,
Kể cả Makkhali,
Và cả Pũrana,
Mỗi vị là Đạo sư5
Chúng đệ tử của minh,
Đã đạt Sa-môn quả,
Không xa bậc chân nhân.
Rồi thiên tử Vetambarĩ nói lên bài kệ này với thiên tử Ãkotaka:
Con dã can ghê tởm,
Có tru sủa thế nào,
Làm sao sánh bằng được?
Tiếng rống con sư tử.
Lõa thể nói vọng ngôn,
Lãnh đạo môn đồ chúng,
Làm các hạnh tà vạy,
Làm sao sanh thiện nhân?
Rồi Ác ma nhập vào thiên tử Vetambarĩ nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:
Tu khổ hạnh yểm ly,
Sống viễn ly hành xác,
Đắm say trong sắc pháp,
Hoan lạc, mê thiên giới,
Dầu họ bị tử vong,
Chắc chắn họ giảng dạy,
Hướng dẫn thật chơn chánh,
Đưa đến đời về sau.
Rồi Thế Tôn biết được chính là Ác ma, liền nói lên bài kệ cho Ác ma:

Phàm những săc pháp gì,
Đời này hay đời sau,
Với màu sắc thù diệu,
Chói sáng giữa hư không,
Tất cả những sắc ấy,
Được Ma vương tán thán,
Chúng chỉ là bẫy mồi5
Quăng ra để diệt cá.
40 Xem M II. 31.

2. TƯƠNG ƯNG THIÊN TỬ 87

Rồi thiên tử Mãnavagãmiya41 nói lên bài kệ này trước Thế Tôn về Thế Tôn:
Trong tất cả ngọn núi,
Ở tại Vương Xá thành,
Ngọn núi Vipula,
Được gọi là tối thắng.
Trong dãy núi Tuyết Sơn,
Ngọn Bạch Sơn tối thắng.
Giữa các loại không hanh,
Mặt trời là tối thắng.
Giữa các loại thủy lộ?
Đại dương là tối thắng.
Trong các loài tinh tú,
Mặt trăng là tối thắng.
Giữa thiên giới, địa giới,
Phật được gọi tối thượng.
41 Chủ giải: Trước đây là thị giả của đức Phật.

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.